|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Đại Học Quốc Gia Hà NộiTrường Đại Học Ngoại Ngữ  | **Khoa Sư Phạm Tiếng Anh****Năm học 2016-2017** |

**Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên**

1. **Plus 1 Programme**

*Giới thiệu*

*+1 Programme* là chương trình hỗ trợ để giảng viên có thể giảng dạy thêm một môn học lý thuyết (LT) ngoài môn học thực hành tiếng (THT). Theo đó, ít nhất hai giảng viên cùng làm việc với nhau trong một khoảng thời gian nhằmmục đích giúp giảng viên (ít kinh nghiệm hơn) bồi dưỡng nghiệp vụ cần thiết đểgiảng dạymôn học lý thuyếtchuyên ngành trong chương trình đào tạomới.*+1 Programme* hướng tới mục tiêuchung làkhoảng 1/3 các giảng viên trong khoa có khả năng đảm nhiệm ít nhất một môn học lý thuyết chuyên ngành ngoài môn học thực hành tiếng đang giảng dạy.

*+1 Programme* đượcxây dựngtrên cơ sở hoạt động gắn với lớp họctheo mô hình tập huấn/hỗ trợ đồng cấp (peer coaching/support) (Robbins, 1991; Randall and Thornton, 2001) được tiến hànhthông qua các hoạt động chính: làm quen với môn học, dự giờ, soạn thử bài giảng, và dạy thử/ dạy kèm kết hợp với thảo luận và chiêm nghiệm cá nhân. Các giảng viên (tutors) sẽ được tập huấn về kỹ năng làm việc với giảng viên (tutees) trước khi chương trình khởi động.

*Thời gian áp dụng*

Bắt đầu từ trước năm học 2016-2017 đến năm học 2017 -2018

*Lộ trình thực hiện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Thời gian* | *Công việc chính* | *Ghi chú* |
| Tháng 8/2016 và Học kỳ 12016-2017*(22/8 đến 4/12/2016)* | * Tutor training
* Coaching experience sharing
* Pairing/grouping
* Briefing
* Class observation + feedback
 | *Tiến độ có thể đẩy lên tuỳ theo mức độđápứng của tutor/tutees* |
| Học kỳ 22016-2017 | * Co-planning lessons
* Co-teaching lessons
* Class observation + feedback
 | *Tiến độ có thể đẩy lên tuỳ theo mức độđápứng của tutor/tutees* |
| Học kỳ 12017-2018 | * Co-teaching lessons
* Class observation + feedback
 | *Thời gian coaching/support có thể kéo dài hoặc không tuỳ trường hợp* |
| Học kỳ 22017-2018 | * Co-teaching lessons
* Class observation + feedback
 |

*Đối tượng*

Các GV (tutees) đã giảng dạy môn học thực hành tiếng được ít nhất 03năm trở lên, có nhu cầu đăng ký tự nguyện;và GV (tutors) đã giảng dạy môn học LT được từ 02-03 năm/học kỳ.

*Quyền lợi và nghĩa vụ*

* Giảng viên (tutee) có cơ hội tiếp cận với các nội dung môn học và phương pháp giảng dạy cập nhật và học hỏi từ các giảng viên nòng cốt của môn học (tutor) và ngược lại, từ đó nâng cao nghiệp vụ chuyên môn;
* Giảng viên (tutor) được tham gia các khoá tập huấn kỹ năng làm việc với tutees;
* Giảng viên (tutee và tutor) được ưu tiên tham gia giảng dạy các khoá bồi dưỡng giáo viên phổ thông hoặc các dự án có liên quantrong/sau khi kết thúc chương trình;
* Giảng viên (tutor và tutee) được xem xét miễn giảm toàn bộ số buổi INSET tối thiểu theo quy định của Khoa, và được tính vào thành tích thi đua cá nhân cuối năm học;
* Giảng viên (tutee) cần thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu của chương trình và tham dự các buổi họp/thảo luậnchuyên môn liên quan đến môn học sẽ dạy;
* Giảng viên (tutor và tutee) định kỳ báo cáo ngắn và chịu trách nhiệmvớiTBM/BCN về chất lượng vàtiến độ công việc.

*Kế hoạchthực hiện*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Thời gian* | *Công việc* | *Mô tả* | *Chịu trách nhiệm* | *Thời hạn hoàn thành* |
| Tháng 8/16 Học kỳ 1(2016-2017) | * Lập danh sách các môn học lý thuyết, thời gian học trong năm học và tutors (gồm tutor phụ trách – email, số đt) cho từng môn
 | * Số lượng từ 1-3 tutors/môn học LT.
* Ưu tiên thực hiện các môn LT có nhu cầu giảng dạy lớn trước, số lượng tuỳ thuộc vào nhân lực tutors hiện có của BM.
 | Trưởng BM có môn LT | DS gửi cho BCN khoa trước **ngày 30 tháng 7 năm 2016** |
| * Tutor training
 | * Tập huấn kỹ năng training cho giảng viên
 | BCN | Tháng 8/16 |
| * Lập danh sách GV (tutees - emails, số đt) đăng ký môn học theo danh sách đã gửi
 | * Số lượng tutees khoảng 1-2 tutees/tutor.Ưu tiên tutees có nhiều năm kinh nghiệm hơn thực hiện trước.
* Tutees có thể đăng ký tutors theo first come first served
 | Trưởng BM có môn THT | DS gửi cho BCN khoa trước **ngày 8 tháng 8 năm 2016** |
| * Lên KH briefing chung cho môn học
* Lên KH quan sát giờ dạy cho mỗi tutor/tutee
 | * Số lượng 1-2 buổi briefing/học kỳ/môn học (có thể kết hợp với các buổi họp chuyên môn của BM)
* Mỗi tutee quan sát giờ dạy (dự giờ) của tutor ít nhất **03 lần/học kỳ** và hoàn thành**Observation Form** mỗi lần (gửi cho tutors trong vòng07 ngày)
* Tutor và tutee trao đổi/thảo luận ít nhất **01 lần/học kỳ** (có thể sau khi quan sát giờ dạy) và tutees hoàn thành**Teacher’s Reflective Notes** (gửi cho tutors trong vòng07 ngày)
 | Mỗi Tutor phụ trách môn học + Tutee(s) | * Gửi lịch tổng hợp cho TBM trước **ngày 5 tháng 9 năm 2016**
* BM gửi lịch cho BCN trước **ngày 8 tháng 9 năm 2016**
 |
| * Báo cáotiếnđộ cá nhân
 | * Báo cáokết quảthực hiện theo kế hoạchđãđặt ra**Record of Observation** vàvà những vấnđề phát sinh nếu có
 | Tutors + Tutees | Gửi cho **Course Coordinator** PT môn học /TBM vào trước**ngày 25/11/16 (tuần 14)** |
| * Báo cáo tiến độ chung và rút kinh nghiệm
 | * Tóm tắt kết quả thực hiện chương trình + đề xuất
* Thảo luận tiến độ công việc và những vấn đề nảy sinh, và kế hoạch HK 2 (trong cuộc họp cốt cán cấp khoa)
 | * PT môn học/TBM có môn LT
* Ban Cốt Cán
 | Gửi cho BCN **03 ngày** trước cuộc họp Cốt cán của Khoa trong **tháng 12/2016**. |
| Học kỳ 2(2016-2017) | * Lên kế hoạch (Soạn giáoán/tài liệu giảng dạy môn học và gópý)
* Lên kế hoạch dạy thử và dự giờ (nếu có lớp)
 | * Tutees gửi phần chuẩn bị cho từ 2-3 lessons cho tutor nhận xét và góp ý(thời gian tuỳý).
* Tutor và tutees thống nhất mục tiêu dự giờ của từng buổi, hoàn thành**Pre-observation Form**
* Tutees dạy thử, tutors dự giờ và gópý. Hoàn thành**Observation Form + Teacher’s Reflective Notes** tương ứng
* Mỗi tutee/tutor dự giờ từ 1-2 lần/học kỳ
 | * Tutor và tutees
 | Gửi lịch tổng hợp cho TBM trước tuần 2 của HK2 |
| * Báo cáo tiếnđộ cá nhân
 | * Báo cáo kết quả thực hiện theo kế hoạchđãđặt ra **Record of Observation**và những vấnđề phát sinh nếu có
 | Tutors + Tutees | Gửi cho TBM của tutor + Tutees vào trước**tuần 14 – HK 2** |
| * Báo cáo tiến độ chung và rút kinh nghiệm
 | * Tóm tắt kết quả thực hiện chương trình + đề xuất
* Thảo luận tiến độ công việc và những vấn đề nảy sinh, và kế hoạch HK 2 (trong cuộc họp cốt cán cấp khoa)
 | * TBM có môn LT
* Ban Cốt Cán
 | Gửi cho BCN **03 ngày** trước cuộc họp Cốt cán của Khoa trong **tháng 4/2017**. |

1. **Mentoring Programme**

*Giới thiệu*

Chương trình mentoring đã được thực hiện nhiều năm tại khoa và mang lại nhiều tác động tích cực cho các giảng viên tham gia. Mụcđích của chương trình này là giúp giảng viên trẻ (ít kinh nghiệm) có thể bồi dưỡng nghiệp vụ giảng dạy hiện thờiđápứng các yêu cầu về chuyên môn. Trong chương trình này, mộtgiảng viên (mentor) trong bộ môn tham gia hướng dẫn và hỗ trợ giảng viên ít kinh nghiệm hơn (mentee) để cải thiện kỹ năng giảng dạy thông qua hoạt động chính là dự giờ giáo viên hướng dẫn (mentor), dự giờ giáo viên ít kinh nghiệm (mentee), thảo luận và chiêm nghiệm cá nhân.

*Đối tượng*

* Các giảng viên (mentees)đang giảng dạy môn học LT hoặc THT có từ dưới 3-4 năm kinh nghiệm giảng dạy hoặc giảng viên do TBM đề nghị.
* Giảng viên (mentors) là giảng viên cókinh nghiệm và chuyên môn cứng.

*Thời gian áp dụng*

Trong tháng 8.2016 và trong năm học 2016-2017

*Quyền lợi và nghĩa vụ*

* Giảng viên (mentee) có cơ hội thảo luận học hỏi vềnội dungvà phương pháp giảng dạy từ cácgiảng viên nòng cốt của môn học (mentor) và ngược lại, từ đó nâng cao nghiệp vụ chuyên môn;
* Giảng viên (mentor) được tham gia các khoá tập huấn kỹ năng làm việc với mentees;
* Giảng viên (mentor và mentee) được xem xét miễn giảm toàn bộ số buổi INSET tối thiểu theo quy định của Khoa, và được tính vào thành tích thi đua cá nhân cuối năm học;
* Giảng viên (mentor vàmentee) cần thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu của chương trình
* Giảng viên (mentor và mentee) định kỳ báo cáo ngắn và chịu trách nhiệmvớiTBM/BCN về chất lượng vàtiến độ công việc.

*Kế hoạchthực hiện*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Thời gian* | *Công việc* | *Mô tả* | *Chịu trách nhiệm* | *Thời hạn hoàn thành* |
| Tháng 8/16 | * Mentor training
 | * Tập huấn kỹ năng training cho giảng viên
 | BCN | Tháng 8/16 |
| Năm học 2016-2017 | * Lập danh sách các mentors và mentees
 | * Số lượng từ 1 mentor/ 1 mentee.
* Ưu tiên thực hiện với các mentees có nhu cầu bồi dưỡngtrước, số lượng tuỳ thuộc vào nhân lựcmentors hiện có của BM.
 | Trưởng BM  | DS gửi cho BCN khoa trước **ngày 30 tháng 7 năm 2016** |
| * Thảo luận mong muốn nguyện vọng mentoring
 | * Mentor và mentees trao đổi trực tiếp**(briefings)01 buổi/năm học.**
* Cần xácđịnhcácđiểm chính (về phương pháp, hoặc kỹ năng giảng dạy, hoặc nội dung chương trình, v.v, ) mentees muốnđược cải thiệnquá trình làm việc
 | Mentors/Mentees | Trong **tuần 2** của học kỳtương ứng |
| * Lập kế hoạch dự giờ mentors
 | * Mỗi mentee dự giờ mentorít nhất**01 lần/học kỳ** và hoàn thành**Observation Form + Teacher’s Reflective Notes**mỗi lần gửi cho Mentors (sau 1 tuần)
* Mentor gặp và trao đổi mentees sau giờ dạy
 | Mentors/Mentees | KH gửi cho TBM trước**cuối tuần 2** của học kỳ tương ứng |
| * Lập kế hoạch dự giờ mentees
 | * Mỗi mentordự giờ menteeít nhất**02 lần/học kỳ** vàtrao đổi phản hồi sau mỗi lần
* Mentees gửi giáoán và/thống nhất mụcđích dự giờ**Pre-Observation Form**
* Mentor dự giờ, hoàn thành **Observation Form**
* Mentor gặp và trao đổi mentees sau giờ (debriefings/post-conference), hoàn thành**Teacher’s Reflective Notes**
 | Mentors/Mentees | KH gửi cho TBM trước**cuối tuần 2 của** HK tương ứng. |
|  | * Báo cáo tiếnđộ cá nhân
 | * Báo cáokết quả thực hiện theo kế hoạchđãđặt ra **Record of Observation**và những vấnđề phát sinh nếu có
 | Mentors + Mentees | Gửi cho TBM **Cuối tuần 14- học kỳ tương ứng** |
|  | * Báo cáo tiến độ chung và rút kinh nghiệm
 | * Tóm tắt kết quả thực hiện chương trình + đề xuất
* Thảo luận những vấn đề nảy sinh, và kế hoạch HK 2 (trong cuộc họp cốt cán cấp khoa)
 | * TBM
* Ban Cốt cán
 | Gửi cho BCN **03 ngày** trước cuộc họp Cốt cán của Khoa trong **tháng 12/2016 và tháng 4/2017**.  |

**C.Bồi dưỡng chuyên môn (INSET)**

**Yêu cầu chung:** Mỗi giáo viên cần tham gia ít nhất 03 INSETs trong một năm học (không tính buổi NCKH cấp trường).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Stt*  | *Nội dung* | *Thời gian*  | *BCV* |
| 1 | Chia sẻ kinh nghiệm tập huấn giáo viên cho môn học mới tại FELTE | Tháng 8/2016 | ThS Đinh Hải Yến |
| 2,3,4,5 | Tập huấn kỹ năng cho tutors/mentors và tutees/mentees (04buổi) | Tháng 8/2016 | ThS Trần Thị Quỳnh LêTS. Mai Ngọc KhôiTS. Trần Thanh Nhàn |
| 6 | Áp dụng công nghệ vào giảng dạy các môn học lý thuyết  | Tháng 10/2016 | ThS Nguyễn Thị Hải Hà |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bộ Môn** | **INSET do bộ môn đề xuất** | **Thời gian (tháng)** | **Diễn giả** | **Đối tượng tham gia** |
| 1 | TA2 | Phương pháp giảng dạy môn Academic English | T9 & 10/2016 | Hoàng Hồng TrangDương Thu MaiNguyễn Thị Chi | GV giảng dạy môn 3B; 4B và các giáo viên có quan tâm |
| 2 | Dịch | Một số vấn đề về phương pháp giảng dạy môn học 3C\* cho SV CLC ngành Ngôn ngữ Anh - Định hướng phiên dịch. | Trong tháng 12/2016 | Vương Thị Thanh Nhàn | GV giảng dạy môn 3C hệ CLC, GV tổ Dịch và các GV quan tâm.  |
| 3 | ESP | Nội dung và phương pháp giảng dạy môn ESP methodology | Đã làm buổi 1 vào 22/8/2016Dự kiến 2 buổi nữa vào 5/9 và 29/9 | Nguyễn Thụy Phương Lan, Nguyễn Thị Thanh Vân và Cấn Chang Duyên | GV tổ ESP và ai có quan tâm |
| 4 | CLC | Những thay đổi & phương pháp giảng dạy môn học 1A, 1B, 3A, & 3B | Cuối tháng 8 | Các trưởng nhóm môn học của Bộ môn CLC | GV tổ CLC và những người quan tâm |
| 5 | ELT | Giảng dạy môn học Tiếng Anh như ngôn ngữ quốc tế- Cơ sở giảng dạy tiếng Anh trẻ em | Học kì II | Các trưởng nhóm môn học | Tổ ELT và các GV quan tâm |
| 6 | TA1 | Cách khai thác sách Q skills cho môn Academic English | T9,10 | Đỗ Thị Xuân Hoa | Tổ TA1 và các GV quan tâm |
| 7 | TA1 | Khai thác hiệu quả các hoạt động pre-reading cho các tác phẩm của Bookworm project | T10 | Đặng An Thư | Tổ TA1 và các GV quan tâm |
|  |  |  |  |  |  |